

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ P
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 25-8-2023

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ P, TỈNH PHÚ THỌ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Quang Vinh

2. Bà Nguyễn Thị Ngát

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Viết Xuân – Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Phú Thọ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã P, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:** Bà Phan Tường Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2023 về Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Văn H, sinh năm 1988; địa chỉ: Khu Ngũ Phúc, xã Hà Thạch, thị xã P, tỉnh Phú Thọ; Vắng mặt.

Bị đơn: Chị Hoàng Thị N, sinh năm 1987, Hộ khẩu thường trú: Khu Ngũ Phúc, xã Hà Thạch, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. **Nơi ở và làm việc: Thôn Tân Ngũ 2, xã Định Long, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 15 tháng 4 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Trần Văn H trình bày:

Anh và chị Hoàng Thị N có tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 02/7/2008, tại Ủy ban nhân dân xã Hà Thạch, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống vợ chồng được 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do do bất đồng ý kiến trong cuộc sống. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 đến nay không

sinh hoạt tình cảm với nhau nữa. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh xin được ly hôn với chị N.

Về con chung: Có 03 con chung là: Trần Hoàng Anh H, sinh ngày 27/01/2009; Trần Văn P, sinh ngày 09/7/2011 và Trần Bảo L, sinh ngày 28/12/2013.

Khi ly hôn anh xin trực tiếp nuôi cháu H và cháu P, để chị N nuôi cháu L theo nguyện vọng của các con chung và hoàn cảnh của vợ chồng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị N đã được thông báo, triệu tập hợp lệ, chị N vắng mặt nhưng đã có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt, đồng thời có ý kiến trình bày:

Chị và anh H đăng ký kết hôn ngày 02/7/2008, tại Ủy ban nhân dân xã Hà Thạch, thị xã P. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H đánh đập chị, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên chị đã về nhà mẹ đẻ ở từ năm 2016 đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau. Nên đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn của chị và anh H theo đơn ly hôn của anh H, chị đồng ý ly hôn vì không còn tình cảm.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con như anh H trình bày. Hiện nay cháu H, cháu P đang ở với anh H; cháu L đang ở với chị. Nguyện vọng của chị là để anh H được nuôi cháu H, cháu Ph, còn chị nuôi cháu L. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị N có đơn xin xét xử vắng mặt do điều kiện công việc, đường xá xa xôi.

Ý kiến của Ủy ban nhân dân xã Hà Thạch và Hội phụ nữ xã Hà Thạch: Anh H và chị có tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 02/7/2008 tại Ủy ban nhân dân xã Hà Thạch, thị xã P. Quá trình chung sống có sinh được 03 con chung như anh H trình bày. Thời gian gần đây anh H và chị N đều đi làm ăn xa. Anh H và chị N đều có hộ khẩu thường trú tại khu Ngũ Phúc, xã Hà Thạch, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. Anh H và chị N có bất đồng ý kiến trong cuộc sống nên đi làm ăn mỗi người một nơi, không ở cùng nhau. Đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Cả hai vợ chồng đều có khả năng lao động và nuôi con. Đề nghị Tòa án giao nuôi con phù hợp với thực tế, đảm bảo sự ổn định và nguyện vọng của vợ, chồng, con. Ở địa phương xã Hà Thạch thì không thấy vợ chồng có tài sản, nhà đất. Không có thông tin gì về công nợ, công sức.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Vụ án thụ lý đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, những người tiến hành tố tụng tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Xử Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trần Văn H và chị Hoàng Thị N.

Xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về con chung như sau: Anh Trần Văn H trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là: Trần Hoàng Anh H, sinh ngày 27/01/2009; Trần Văn P, sinh ngày 09/7/2011. Chị Hoàng Thị N trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung là Trần Bảo L, sinh ngày 28/12/2013.

Anh H và chị N đều không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H và chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công nợ: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chấp nhận ý kiến của anh H về việc xin chịu toàn bộ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là anh Trần Văn H và bị đơn là chị Hoàng Thị N vắng mặt nhưng đều đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị N được xác lập và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Nay vợ chồng không còn chung sống với nhau, anh H xin ly hôn vì tình cảm không còn, chị N nhất trí ly hôn, vì vậy xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh H và chị N là phù hợp với pháp luật.

[3] Về con chung:

Các đương sự đã thỏa thuận: Anh Trần Văn H trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là: Trần Hoàng Anh H, sinh ngày 27/01/2009; Trần Văn Ph, sinh ngày 09/7/2011. Chị Hoàng Thị N trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung là Trần Bảo L, sinh ngày 28/12/2013. Anh H và chị N đều không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sự thỏa thuận của các đương sự phù hợp với nguyện vọng của các con chung, phù hợp với thực tế và phù hợp với pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, công nợ: Các đương sự đều khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không phải giải quyết. Về công sức: Anh H cũng khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị N không có ý kiến gì.

Nếu có tranh chấp và có yêu cầu Tòa án giải quyết thì sẽ xem xét, giải quyết trong vụ, việc khác.

[5] Về án phí: Anh H xin chịu toàn bộ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật, được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ quốc hội số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016.

Xử Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trần Văn H và chị Hoàng Thị N.

Xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về con chung như sau: Anh Trần Văn H trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là: Trần Hoàng Anh H, sinh ngày 27/01/2009; Trần Văn P, sinh ngày 09/7/2011. Chị Hoàng Thị N trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung là Trần Bảo L, sinh ngày 28/12/2013.

Anh H và chị N đều không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H và chị N đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công nợ: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí:

Anh Trần Văn H xin chịu cả 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Xác nhận anh H đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số **0003018** ngày **08/6/2023** của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã P. Anh H còn được trả lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết để đề nghị toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã P;
- Các đương sự;
- Chi cục thi hành án dân sự thị xã P;
- UBND xã Hà Thạch, thị xã P, tỉnh Phú

Thọ;

- Lưu HS, VP, KT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đình Chi